

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
VỀ THU HÚT ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 10/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về thu hút đầu tư giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

I- KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

Giai đoạn 2021-2025, trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, kinh tế toàn cầu suy giảm, chuỗi cung ứng bị gián đoạn, song dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, công tác thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đã đạt được những kết quả quan trọng. Môi trường đầu tư, kinh doanh từng bước được cải thiện; công tác cải cách hành chính, cải thiện các chỉ số PCI, PAR INDEX, PAPI được quan tâm triển khai đồng bộ; hoạt động xúc tiến đầu tư được đổi mới theo hướng trọng tâm, trọng điểm.

Trong giai đoạn, tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư và cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 179 dự án ngoài ngân sách với tổng vốn đăng ký trên 56.029 tỷ đồng; trong đó, 164 dự án ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế và 15 dự án trong khu công nghiệp, khu kinh tế. Cơ cấu nguồn vốn có sự chuyển dịch tích cực, khu vực kinh tế tư nhân trong nước giữ vai trò chủ đạo; một số dự án có vốn đầu tư nước ngoài và dự án hợp tác với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn từng bước được triển khai, góp phần bổ sung nguồn lực cho đầu tư phát triển, tạo việc làm, tăng thu ngân sách và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tích cực.

Tuy nhiên, kết quả thu hút đầu tư chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới. Số lượng dự án quy mô lớn, có hàm lượng công nghệ cao, có tính lan tỏa và đóng góp lớn cho ngân sách còn hạn chế; thu hút các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và đầu tư vào lĩnh vực du lịch, nông nghiệp công nghệ cao còn gặp nhiều khó khăn. Một số dự án tiến độ triển khai còn chậm; quy mô vốn đầu tư bình quân còn thấp, địa bàn đầu tư phân tán; năng lực xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp còn hạn chế; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) chưa có sự bứt phá rõ nét so với các địa phương trong khu vực và cả nước.

Nguyên nhân chủ yếu là công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số cơ quan, địa phương có thời điểm chưa thật sự quyết liệt; công tác cải cách thủ tục hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp ở một số ngành, địa phương chưa thật sự được quan tâm triển khai thường xuyên, đồng bộ; năng lực cán bộ còn hạn chế; năng lực tham mưu, phối hợp của một số đơn vị còn hạn chế. Chỉ tiêu đất công nghiệp do Trung ương phân bổ về cho tỉnh chưa đáp ứng so với nhu cầu của tỉnh; hệ thống pháp luật liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường còn chồng chéo, thường xuyên thay đổi dẫn đến lúng túng trong áp dụng thực tiễn. Bên cạnh đó, một số nhà đầu tư chưa tích cực phối hợp, việc chấp hành pháp luật chưa nghiêm, ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả dự án.

Bước vào giai đoạn phát triển mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế tri thức; cạnh tranh thu hút đầu tư giữa các địa phương ngày càng tăng; việc hình thành và đưa vào khai thác các tuyến giao thông chiến lược, nhất là tuyến cao tốc kết nối Tuyên Quang - Phú Thọ, Tuyên Quang - Hà Giang với trung tâm kinh tế lớn các tỉnh và nước ngoài đã mở ra không gian phát triển mới cho tỉnh. Điều đó đòi hỏi cấp ủy, chính quyền và nhân dân tỉnh Tuyên Quang phải có tư duy mới, cách làm mới, giải pháp đột phá để nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, coi đây là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững.

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Xác định thu hút đầu tư là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài, là động lực quan trọng để huy động, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số trong giai đoạn 2026 - 2030, đồng thời, bảo đảm hoàn thành và vượt dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện thu hút đầu tư theo hướng có chọn lọc, hiệu quả, ưu tiên các dự án có công nghệ hiện đại, giá trị gia tăng cao, đóng góp lớn cho ngân sách, tạo việc làm bền vững, gắn với chuyển đổi số, tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn.

3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công; định hướng các cơ chế thúc đẩy đầu tư, liên kết vùng, lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt đầu tư tư, bố trí đảm bảo nguồn lực cho hạ tầng giao thông chiến lược, hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, các cửa khẩu và khu vực kinh tế trọng điểm, có tiềm năng thu hút đầu tư nhằm tạo động lực cho phát triển.

4. Bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân; gắn thu hút đầu tư với phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực và cải cách hành chính; thúc đẩy phát triển cân đối giữa các vùng, lĩnh vực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư.

III- MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG THU HÚT ĐẦU TƯ

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Tập trung cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh, bền vững, thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 -2030; phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Tuyên Quang phát triển khá, toàn diện, bền vững, đạt mức thu nhập trung bình cao.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu đến năm 2030 thu hút khoảng 150 dự án mới, vốn đầu tư tăng thêm khoảng 70.000 - 75.000 tỷ đồng, trong đó vốn của các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) khoảng 15.000 - 20.000 tỷ đồng, tương đương khoảng 600 - 800 triệu USD (theo tỷ giá ước tính).

- Phấn đấu thu hút được ít nhất 3 Doanh nghiệp thuộc Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) đầu tư dự án mới tại tỉnh. Từng bước nâng cao tỷ trọng dự án công nghệ cao, thân thiện mới môi trường trong tổng số dự án đầu tư mới.

- 100% thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, doanh nghiệp đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ cao; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định. Tạo thêm nhiều việc làm mới, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

2. Định hướng thu hút đầu tư

2.1. Định hướng ngành, lĩnh vực

a) Công nghiệp

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thu hút các dự án đầu tư có chọn lọc, nhất là dự án công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp kết nối, nhằm phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến lâm sản, gỗ, giấy và dược liệu gắn với kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả sử dụng tài nguyên. Khuyến khích đầu tư các nhà máy chế biến gỗ có công nghệ tiên tiến, chế biến sâu, từng bước xây dựng tỉnh trở thành trung tâm công nghiệp chế biến lâm sản và dược liệu của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị, Quyết định số 610/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Thu hút đầu tư phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh, góp phần thực hiện mục tiêu bảo đảm an ninh năng

lượng Quốc gia theo tinh thần Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị.

Đẩy nhanh hoàn thiện, mở rộng mạng lưới khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch; tập trung phát triển các khu, cụm công nghiệp chuyên sâu. Thành lập, mở rộng, điều chỉnh ít nhất 03 cụm công nghiệp và 02 khu công nghiệp ở những địa bàn có lợi thế, 100% cụm công nghiệp mới có hệ thống xử lý chất thải tập trung, đồng bộ. Chủ động tháo gỡ vướng mắc về giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư; ưu tiên hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp, tạo điều kiện sẵn sàng thu hút các nhà đầu tư chiến lược.

b) Dịch vụ thương mại, du lịch

Chỉ đạo thu hút đầu tư phát triển mạnh các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, dịch vụ hiện đại và dịch vụ kết nối, nhất là trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thương mại, vận tải và logistics; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển y tế, giáo dục - đào tạo, thể dục thể thao theo hướng hiện đại, bền vững. Ưu tiên thu hút đầu tư xây dựng các cơ sở y tế chất lượng cao, bệnh viện tư nhân, chuyên khoa và đa khoa,... theo tinh thần Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Đồng thời, khuyến khích phát triển hệ thống giáo dục ngoài công lập, cơ sở đào tạo chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực; phát triển đồng bộ hạ tầng thương mại, dịch vụ theo hướng hiện đại, xanh và số hóa; từng bước hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng thương mại tại các cửa khẩu, lối mở, như: cửa khẩu Thanh Thủy, cửa khẩu Săm Pun, cửa khẩu Xín Mần, lối mở Lũng Làn, Phó Bảng, xây dựng cửa khẩu số, nâng cao hiệu quả hội nhập và liên kết kinh tế vùng.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, tập trung hiện đại hóa hạ tầng, thu hút các dự án đầu tư các khu lưu trú cao cấp, nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch tại các khu, điểm du lịch trọng điểm, như: Khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào; Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn: Thu hút đầu tư Trung tâm hội thảo, hội nghị đẳng cấp quốc tế gắn với Công viên trải nghiệm thực tế ảo Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn,..; Danh thắng quốc gia đặc biệt Na Hang - Lâm Bình, Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm..., phát triển các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm gắn với chăm sóc sức khỏe; nghiên cứu phát triển các loại hình du lịch mới, độc đáo tạo dựng thương hiệu du lịch Tuyên Quang có sức cạnh tranh cao. Thu hút đầu tư vào bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Nông nghiệp

Chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp; phát triển các vùng sản xuất hàng hóa của tỉnh, giá trị gia tăng cao, gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm của địa phương; hoàn thiện cơ chế, chính sách, thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp nhanh, hiệu quả, bền

vững, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào: nông nghiệp sinh học; dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nông nghiệp xanh; phù hợp với chiến lược phát triển ngành, thu hút đầu tư theo ngành hàng, sản phẩm cây, con chủ yếu; các dự án nông nghiệp gắn với hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; các dự án bảo vệ và phát triển rừng, tạo nguyên liệu cho công nghiệp chế biến lâm sản; thương mại hóa tiến tới tiếp cận thị trường tín chỉ carbon.

d) Lĩnh vực hạ tầng đô thị

Thu hút đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu dân cư để nâng cao chất lượng cuộc sống, tiện ích của nhân dân tại các phường, xã trung tâm và những nơi có điều kiện theo hướng đô thị hiện đại, thông minh, đô thị xanh, thân thiện, có kiến trúc, bản sắc văn hóa đặc trưng; Mở rộng các loại hình nhà ở, ưu tiên phát triển nhà ở xã hội.

Thu hút các dự án đầu tư cung cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt, thoát nước và xử lý nước thải đô thị; hệ thống thu gom rác thải, xử lý chất thải rắn đô thị; các dự án xây dựng nghĩa trang, nhà tang lễ,... theo quy hoạch.

2.2. Định hướng lựa chọn đối tác đầu tư

a) Đối với đối tác đầu tư nước ngoài

Khuyến khích thu hút các đối tác có thương hiệu toàn cầu, có năng lực tài chính, có bề dày kinh nghiệm, có khả năng đầu tư ổn định, lâu dài,... vào các lĩnh vực công nghiệp, ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ cao, tạo giá trị gia tăng lớn, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái theo mục tiêu, định hướng thu hút đầu tư của tỉnh, như: Sản xuất hàng công nghiệp xuất khẩu; công nghiệp sạch; công nghiệp khí hydro xanh; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp cơ khí chế tạo, sản xuất; công nghiệp đồ uống; công nghiệp sản xuất dược liệu, dược phẩm,... Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong tỉnh liên kết với các doanh nghiệp ngoài tỉnh, doanh nghiệp FDI để tham gia vào chuỗi giá trị.

Đối tác trọng tâm theo quốc gia, vùng lãnh thổ: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và các nhà đầu tư đến từ các nước có nền kinh tế phát triển, các nước sở hữu công nghệ thuộc nhóm G7, bao gồm: Mỹ, Canada, Pháp, Đức, Ý, Anh; các nước có nền kinh tế mới nổi như: Ấn Độ, Nga, Brazil,... Tăng cường hợp tác, liên kết phát triển kinh tế với tỉnh Vân Nam và Quảng Tây Trung Quốc.

b) Đối với đối tác đầu tư trong nước

Tập trung mời gọi thu hút các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp có tiềm lực tài chính thuộc Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, du lịch, dịch vụ và phát triển kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp, cụm công nghiệp; khu đô thị động lực; Khuyến khích doanh nghiệp ngoài tỉnh thành lập doanh nghiệp tại tỉnh để thực hiện dự án.

2.3. Định hướng về hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư

Việc thu hút các dự án đầu tư phải xem xét bảo đảm các tiêu chí sau:

- Bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân; thực hiện đầy đủ chính sách hỗ trợ tái định cư, sinh kế bền vững cho người dân bị thu hồi đất, không để phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự, khiếu kiện kéo dài.

- Tạo việc làm và thu nhập cho người dân địa phương, tăng thu ngân sách, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số trong giai đoạn 2026 - 2030, đảm bảo củng cố và giữ vững an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội.

- Bảo vệ tốt môi trường, sử dụng ít diện tích đất, tài nguyên, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường.

- Có tác động lan tỏa tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội nói chung, như: tạo cơ hội hợp tác ngày càng nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh, thúc đẩy ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ tiên tiến, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng.

2.4. Định hướng theo địa bàn

- Chú trọng thu hút đầu tư theo định hướng Hai cực phát triển (cực phát triển phía Bắc và cực phát triển phía Nam) - Ba trục liên kết (vùng phía Tây Bắc, vùng phía Đông Bắc và vùng phía Nam). Phát triển hạ tầng giao thông, phát triển đô thị, kinh tế đô thị; công nghiệp - dịch vụ thương mại logistics vào vùng phía Nam của tỉnh; hợp tác, liên kết phát triển với các tỉnh trong nước và với tỉnh Vân Nam và Quảng Tây Trung Quốc vào vùng phía Tây Bắc của tỉnh; thu hút phát triển du lịch và các loại hình dịch vụ chất lượng cao, bền vững; chuỗi nông - công nghiệp chế biến sản phẩm đặc sản có thương hiệu vào vùng phía đông Bắc của tỉnh.

- Tập trung thu hút dự án đầu tư hạ tầng và dự án sản xuất có giá trị gia tăng cao vào các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy. Thực hiện mục tiêu xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy thành khu kinh tế tổng hợp, thông minh, đa ngành, đa lĩnh vực, có chức năng logistic, trung chuyển, chế biến, xuất nhập khẩu hàng hóa, tài chính - ngân hàng, du lịch, dịch vụ hậu cần và chuỗi cung ứng liên kết với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

IV- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tập trung lãnh đạo triển khai thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và lập quy hoạch chung cấp xã theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt, xác định đây là nhiệm vụ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là cơ sở pháp lý để khai thác các dự án đầu tư; quan tâm dành quỹ đất sạch hợp lý cho các dự án đầu tư chiến lược; các địa phương chủ động áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác lập, quản lý quy hoạch.

Đẩy mạnh công tác thu hút, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực xã hội; đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, sớm hoàn thành, đưa vào sử dụng các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh, tạo động lực phát triển liên vùng và thu hút đầu tư, như: Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1); hoàn thiện giai đoạn 2 Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang đến Cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy; thúc đẩy đầu tư tuyến kết nối cao tốc Hà Nội - Lào Cai với Hà Giang (CT.12); đầu tư các tuyến giao thông kết nối liên tỉnh như tuyến từ trung tâm hành chính tỉnh Tuyên Quang kết nối tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) (nút giao IC5 cao tốc Hà Nội - Lào Cai), tuyến từ Sơn Dương kết nối Thái Nguyên, Bắc Ninh và các công trình, dự án hạ tầng liên vùng, có tính đột phá, phạm vi ảnh hưởng rộng, phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng vùng, khu vực.

2. Triển khai đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh và lợi thế từng ngành, lĩnh vực. Tập trung thu hút các dự án đầu tư phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, gắn với các nghị quyết quan trọng của Trung ương, như: Nghị quyết số 50-NQ/TW về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách và nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài; Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước; Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 70-NQ/TW về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia,... Ưu tiên thu hút các dự án có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, có giá trị gia tăng lớn, đóng góp tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực thu ngân sách của tỉnh và tăng trưởng kinh tế 2 con số.

3. Vận hành hiệu quả Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; xây dựng danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất và kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, nhằm chủ động tạo quỹ đất sạch phục vụ thu hút đầu tư. Tập trung khai thác hiệu quả các quỹ đất công chưa sử dụng, quỹ đất có lợi thế phát triển kinh tế - xã hội; thành lập Tổ công tác đặc biệt phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư trong quá trình triển khai các dự án có sử dụng đất; rà soát, sắp xếp, xử lý và khai thác hiệu quả quỹ đất dôi dư, trụ sở, tài sản công không còn nhu cầu sử dụng tại các địa phương, giao cho các cơ quan chức năng quản lý để phục vụ mục tiêu đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất,... tạo nguồn lực phục vụ thu hút đầu tư.

Thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; hằng năm xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư trên địa bàn. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ giải phóng mặt bằng. Tăng cường tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân;

kịp thời tháo gỡ các vướng mắc, tồn tại trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư triển khai dự án.

4. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp triển khai dự án: Triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp quốc gia. Đổi mới toàn diện việc thực hiện thủ tục hành chính chuyên từ “bị động” sang “chủ động phục vụ” không phụ thuộc vào địa giới hành chính và hoàn toàn dựa trên dữ liệu; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, phiền hà, sách nhiễu; rà soát, rút gọn tối đa quy trình và tuyệt đối không để phát sinh thêm thủ tục ngoài quy định; Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách, quy định theo thẩm quyền nhằm nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính gắn với đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tập trung tháo gỡ các “điểm nghẽn”, khó khăn, vướng mắc về thể chế, tạo lập môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh thuận lợi, minh bạch. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, gắn với đơn giản hóa thủ tục hành chính; nâng cao chỉ số hiệu quả hành chính công (PAPI), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI).

Thực hiện hiệu quả hoạt động tư vấn, hướng dẫn thủ tục đầu tư; chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; xây dựng môi trường đầu tư minh bạch, thuận lợi. Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang và Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường; Nghiên cứu, xây dựng và từng bước hình thành đầu mối “một cửa” hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, làm đầu mối cung cấp thông tin, hướng dẫn, tiếp nhận, theo dõi và đôn đốc giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; đảm bảo công khai, minh bạch, thống nhất, xuyên suốt, không chồng chéo, ấn định rõ thời gian trả kết quả. Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân, doanh nghiệp theo hướng toàn trình, cá nhân hóa và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân, kiên quyết xử lý nghiêm tình trạng công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà cho doanh nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực về vốn, đất đai, nhân lực, mặt bằng sản xuất; hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển bền vững.

5. Phát triển nguồn nhân lực, khoa học - công nghệ và hạ tầng số phục vụ thu hút đầu tư.

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực phục vụ các ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao và các

dự án FDI. Tăng cường liên kết giữa chính quyền, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong đào tạo nghề, đào tạo theo nhu cầu thị trường; có chính sách thu hút, đãi ngộ nhân lực chất lượng cao, chuyên gia, kỹ sư, lao động kỹ thuật về làm việc tại tỉnh.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, xúc tiến đầu tư và hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông, dữ liệu dùng chung, nền tảng số phục vụ chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; tạo nền tảng thuận lợi để thu hút các dự án đầu tư công nghệ cao, công nghiệp số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn.

6. Tăng cường xúc tiến đầu tư, hợp tác quốc tế và liên kết vùng. Đổi mới phương thức xúc tiến đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong xúc tiến đầu tư; tăng cường xã hội hóa hoạt động xúc tiến đầu tư. Rà soát sắp xếp các cơ quan, đơn vị làm công tác xúc tiến, hỗ trợ đầu tư theo hướng tinh gọn, rõ chức năng nhiệm vụ. Xác định rõ đầu mối chủ trì, đảm bảo thống nhất trong chỉ đạo, điều hành và thực hiện; có cơ chế phối hợp giữa các sở ngành trong hỗ trợ nhà đầu tư. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến, hỗ trợ đầu tư đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bố trí cán bộ có năng lực trình độ chuyên môn phù hợp, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng xúc tiến đầu tư, ngoại ngữ, kỹ năng đàm phán hội nhập.

Tăng cường hợp tác quốc tế thông qua các kênh ngoại giao kinh tế; phối hợp với các Đại sứ quán, Tổng Lãnh sự quán, tổ chức quốc tế tại Việt Nam nhằm quảng bá tiềm năng, lợi thế và danh mục dự án trọng điểm của tỉnh. Xây dựng Chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm gắn với liên kết vùng, xúc tiến thương mại và du lịch; ưu tiên thu hút các dự án trong lĩnh vực du lịch, công nghiệp chế biến - chế tạo, nông lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao hình thành hệ sinh thái bền vững từ sản xuất đến tiêu thụ, dược liệu, hạ tầng thương mại - dịch vụ và kinh tế cửa khẩu.

7. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư. Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về đầu tư, kinh doanh đối với các dự án chậm tiến độ, kéo dài, đầu tư kém hiệu quả hoặc không có khả năng thực hiện; kiên quyết xử lý, thu hồi theo quy định nhằm bảo đảm kỷ cương, kỷ luật và tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời tạo dư địa, nguồn lực để thu hút các nhà đầu tư có năng lực, uy tín.

Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về đầu tư, kinh doanh đối với các dự án chậm tiến độ kéo dài, đầu tư kém hiệu quả, không có khả năng thực hiện để đảm bảo tính nghiêm minh trong thực thi pháp luật.

8. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận xã hội đối với công tác thu hút đầu tư.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong tỉnh tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện.

2. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các chính sách, pháp luật có liên quan theo quy định trong quá trình triển khai thực hiện; bố trí nguồn lực; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết; định kỳ tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình triển khai, kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì xây dựng kế hoạch và tổ chức học tập, quán triệt, triển khai Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân để thống nhất nhận thức, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình tổ chức thực hiện.

5. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện Nghị quyết.

6. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các Ban đảng Tỉnh ủy, cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết; báo cáo định kỳ, đột xuất với Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (để báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ



Hầu A Lành